

Số: 238/QĐ-ĐPTTH

Bình Định, ngày 6 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ biên bản thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 ngày 18/7/2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng KHTC-DV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán ngân sách năm 2022 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng KHTC-DV và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, KHTC-DV.

[Chữ ký]



Nguyễn Công Sơn

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 238/QĐ-ĐPTTH ngày 6 / 9/2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	QUYẾT TOÁN THU ,CHI , NỘP NGÂN SÁCH PHÍ , LỆ PHÍ, THU HOẠT ĐỘNG SX, CUNG ỨNG DỊCH VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	0		
I	Số thu phí, lệ phí , thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	6.182,777008	6.182,777008	
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (chưa thuế VAT)	6.182,777008	6.182,777008	
3	Thu sự nghiệp khác			
II	Chi từ nguồn thu phí thu phí, lệ phí , thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ để lại			
1	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí			
1.1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
1.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
2	Chi từ nguồn thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.718,840364	5.718,840364	
2.1	Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	112,320874	112,320874	
2.2	Chi hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, quản lý	3.467,062660	3.467,062660	
2.3	Chi trích khấu hao tài sản cố định (Quỹ PTHĐSN)	283,710253	283,710253	
2.4	Chi khác theo quy định(trích lập các quỹ theo quy định)	1.113,448577	1.113,448577	
2.5	Kinh phí cải cách tiền lương (40% nguồn thu tại đơn vị)	742,298000	742,298000	
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
III	Số thu nộp NSNN	463,936644	463,936644	
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	463,936644	463,936644	
-	Thuế TNDN	463,936644	463,936644	
3	Hoạt động sự nghiệp khác			
B	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	26.895,084041	26.895,084041	
I	Nguồn ngân sách nhà nước	26.895,084041	26.895,084041	

Handwritten signature

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	<i>Chi sự phát thanh, truyền hình</i>	<i>26.895,084041</i>	<i>26.895,084041</i>	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.244,955259	20.244,955259	
-	Chi thường xuyên(lương và các khoản đóng góp theo lương)	8.580,556443	8.580,556443	
-	Chi thường xuyên - Nguồn CCTL(lương và các khoản đóng góp theo lương) theo QĐ 4529/QĐ-UBND ngày 29/12/2022)	33,000000	33,000000	
+	10% tiết kiệm chi (0114)	-		
+	40% CCTL từ số thu đơn vị	33,000000	33,000000	
-	Kinh phí khen thưởng	-		
-	Chi nghiệp vụ	10.109,955259	10.109,955259	
-	Chi khác theo quy định (Trích lập các quỹ theo quy định)	1.521,443557	1.521,443557	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.620,128782	6.620,128782	
-	Kinh phí hoạt động và Đại hội Đảng bộ cơ sở	33,972000	33,972000	
-	Mua sắm Hệ thống điều hòa không khí trung tâm	30,948000	30,948000	
-	Mua sắm máy phát sóng phát thanh 10KW và hệ thống thiết bị phụ trợ	2.079,071142	2.079,071142	
-	Chi thuê dịch vụ truyền dẫn, phát sóng kênh BTV tiêu chuẩn HD :	4.476,137640	4.476,137640	
+	Trên vệ tinh Vinasat - 2	4.437,867500	4.437,867500	
+	Trên hệ thống truyền hình kỹ thuật số	38,270140	38,270140	
3	Chương trình mục tiêu	30,00000	30,000	

